

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 217/2026/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1983;

CCCD số: 075083012388, cấp ngày 06/3/2024. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 130, khu phố Tân Hạnh 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1983;

CCCD số: 075183010923, cấp ngày 17/02/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số H, khóm V, xã V, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 là hôn nhân hợp pháp, ngày 13/02/2026 Tòa án đã tiến hành hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của họ như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000159 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông T và bà T1 đã nộp đủ án phí theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000159 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông T và bà T1 đã nộp đủ án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
 - UBND xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).
- (GCNKH số 77, ngày 12/10/2007)
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND tỉnh Đồng Nai;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Tâm

Mẫu 31-VDS